

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN KIẾN AN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST
Ngày 13-8-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Hóa

Ông Vũ Văn Lầy

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

- Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 670/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 728/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, địa chỉ: Tổ 3 (Cũ là: Tổ dân phố số 01, 02), phường P, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ, địa chỉ: Tổ 3 (Cũ là: Tổ dân phố số 01, 2), phường P, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2017 và các bản tự khai, nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Phạm Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận K, thành phố Hải Phòng, vào ngày 18/8/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà chồng tại Tổ 2, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau và xảy ra xô sát, hơn nữa anh Đ có nhiều mối quan hệ, không chung thủy, không quan tâm đến gia đình vợ con dẫn đến mâu thuẫn gia

đình ngày càng trầm trọng và kéo dài. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải thiện được. Anh Đ đã rất nhiều lần đánh đập chị T và đã gây thương tích cho chị, cụ thể: Năm 2014 anh Đ đã đánh chị T thủng màng nhĩ nhưng sau đó anh Đ không rút kinh nghiệm mà vẫn đánh đập chị T. Do cuộc sống quá căng thẳng và mệt mỏi nên tháng 10/2016 chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở, sống ly thân với anh Đ, cắt đứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như về kinh tế từ đó đến nay. Nay chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống với nhau được nữa, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn Đ có hai con chung là Phạm Tiến Đ, sinh ngày 27/6/2005 và Phạm Thị T, sinh ngày 23/7/2011. Từ khi chị T và anh Đ sống ly thân đến nay, anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Tiến Đ, chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Thị T. Chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con chung là Phạm Thị T cho đến khi con trưởng thành, giao con chung là Phạm Tiến Đ cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 26/7/2018 Tòa án nhân dân quận K nhận được đơn đề nghị xét xử vắng mặt của chị Vũ Thị T.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận K đã tổng Đ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Phạm Văn Đ đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh Đ, không tiến hành hòa giải được và anh Đ cũng không có văn bản thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng Đ hợp lệ đến lần thứ hai mà anh Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại Bản tự khai cháu Phạm Thị T trình bày: Cháu là con của bố Phạm Văn Đ và mẹ Vũ Thị T. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ là Vũ Thị T vì khi ở chung với bố mẹ, thường xuyên chứng kiến bố đánh mẹ, có lần bố đòi cầm dao giết ba mẹ con. Vì vậy cháu ở cùng mẹ từ 15/11/2016 cho đến nay, cuộc sống của cháu hiện nay rất tốt.

Tại Đơn đề nghị đề ngày 18/4/2018 cháu Phạm Tiến Đ trình bày: Cháu là con của bố Phạm Văn Đ và mẹ Vũ Thị T. Khi bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu là được ở với bố cháu là Phạm Văn Đ vì từ trước đến nay cháu vẫn ở với bố cháu.

Tại Biên bản xác minh ngày 10/5/2018 và ngày 28/5/2018, Tổ dân phố và Hội phụ nữ tổ 3, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng cùng cung cấp: Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn trầm trọng hai vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ cuối năm 2016 đến nay. Khi đi chị T mang con nhỏ đi cùng còn con lớn vẫn ở nhà với bố. Về con chung: Anh Đ và chị T có 02 con chung là Phạm Tiến Đ, sinh ngày 27/6/2005, đang ở với bố được chăm sóc phát triển bình thường còn cháu Phạm Thị T, sinh ngày 23/7/2011 được chị T mang

theo sống ở nơi khác từ khi sống ly thân với chồng. Về tài sản chung, công nợ chung: Tổ dân phố và Hội phụ nữ không nắm được.

Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Về cơ bản đã thực hiện đúng trình tự tố tụng; đối với nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Phạm Văn Đ. Về con chung: Giao con chung là Phạm Tiến Đ, sinh ngày 27/6/2005 cho anh Phạm Văn Đ được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung là Phạm Thị T, sinh ngày 23/7/2011 cho chị Vũ Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp tiền án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngày 18 tháng 4 năm 2018 chị Vũ Thị T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận K, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn Đ; trú tại: Tổ 3, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng. Tranh chấp này được Tòa án nhân dân quận K thụ lý giải quyết theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận K đã tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Phạm Văn Đ không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Ngày 26/7/2018 Tòa án nhân dân quận K nhận được đơn đề nghị xét xử vắng mặt của chị Vũ Thị T. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị Vũ Thị T và bị đơn là anh Phạm Văn Đ.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn Đ có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường P, quận K, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 18/8/2006. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về hôn nhân: Trong quá trình chung sống chị T và anh Đ đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, yêu thương, quý trọng nhau mà thường xuyên đánh, cãi, xúc phạm nhau; chị T và anh Đ đã sống ly từ năm 2016 đến nay, trong thời gian dài sống ly thân chị T và anh Đ không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn mà để mặc cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và kéo dài; trong

quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần khuyên chị T rút đơn khởi kiện để về đoàn tụ chung sống cùng anh Đ nhưng chị T cương quyết xin ly hôn anh Đ; Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Đ để giải quyết việc chị T có đơn xin ly hôn và tiến hành hòa giải nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do. Chứng tỏ tình cảm giữa chị T và anh Đ không còn, mục đích hôn nhân không Đ được, hai bên cùng không có ý thức hàn gắn đoàn tụ. Tại phiên tòa Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Phạm Văn Đ. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị T và đề nghị của Đ diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, phù hợp thực tế vụ kiện và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn Đ có hai con chung là Phạm Tiến Đ, sinh ngày 27/6/2005 và Phạm Thị T, sinh ngày 23/7/2011. Từ khi chị T và anh Đ sống ly thân đến nay anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Tiến Đ, chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Thị T. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con chung là Phạm Thị T cho đến khi con trưởng thành, giao con chung là Phạm Tiến Đ cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành; đây cũng là nguyện vọng của cháu Đ và cháu Chi trong quá trình giải quyết vụ án. Xét nguyện vọng của chị Vũ Thị T, cháu Phạm Tiến Đ, cháu Phạm Thị T, đề nghị của Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K và thực tế vụ kiện Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung là Phạm Tiến Đ cho anh Phạm Văn Đ được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, giao cho chị Vũ Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Thị T đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp pháp luật, phù hợp thực tế cần chấp nhận; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; nếu chị T, anh Đ có yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Vũ Thị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu chị T, anh Đ có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn Đ.

- Về con chung: Giao con chung là Phạm Tiến Đ, sinh ngày 27/6/2005 cho anh Phạm Văn Đ được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung là Phạm Thị T, sinh ngày 23/7/2011 cho chị Vũ Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, công nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu chị T, anh Đ có yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010015 ngày 20/4/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng; chị Vũ Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường P;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Lan Hương